TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2026/QĐST-HNGĐ	*Khánh Hòa, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 272/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Ngọc Q, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Thị N, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Số E, tổ D, Ấp C, xã L, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Q và bà Thị N tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh An Giang) vào năm 2000. Vợ chồng ông Q và bà N chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2011 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã không sống chung từ lúc xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông Trần Ngọc Q và bà Thị N không đồng ý trở về chung sống với nhau, ông Trần Ngọc Q và bà Thị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Ngọc Q và bà Thị N xác nhận có 01 con chung tên Trần Trung H, sinh ngày: 22/11/2010. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận: Bà Thị N đồng ý giao con chung cho ông Trần Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Thị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do ông Trần Ngọc Q không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Ngọc Q và bà Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Ngọc Q và bà Thị N, mỗi người phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Q và bà Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Thị N đồng ý giao con chung tên Trần Trung H, sinh ngày 22/11/2010 cho ông Trần Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Thị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do ông Trần Ngọc Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Ngọc Q và bà Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Ngọc Q và bà Thị N, mỗi người phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông Trần Ngọc Q và bà Thị N đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004246 ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Trần Ngọc Q và bà Thị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Long Thạnh, tỉnh Kiên Giang (GCNKH số 145, quyển số 01/2000 ngày 11/10/2000);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đường Nguyễn Thanh Thảo